TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/DS-ST
Ngày: 18/01/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích.

2. Ông Lê Văn Đạo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 308/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 166/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: **Trần Thị H**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp Chợ, xã TL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Bà H ủy quyền cho bà Võ Thị Thu Hiền, sinh năm 2000, địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn BĐ, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia tố tụng (Bà Hiền có mặt)

* **Bị đơn:** 1/ **Bùi Bá N**, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

2/ **Bùi Thị Thùy T**, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Giồng Bông, xã TL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 4 năm 2023, những lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người được nguyên đơn Trần Thị H ủy quyền, bà Võ Thị Thu Hiền trình bày:

Do quan hệ quen biết từ trước, cụ thể: ông Bùi Bá N là giáo viên dạy học cho con của bà Trần Thị H nên vào tháng 4/2022(Âm lịch), bà Trần Thị H có cho bà Bùi Thị Thùy T (Vợ ông N) vay số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), việc bà T vay nợ, ông N (CH bà T) biết vụ việc, lãi suất là 1,66%/tháng. Hai bên thỏa thuận sau 03 tháng sẽ trả lại, kể từ ngày vay tiền. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, bên bị đơn đã đóng lãi được 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng). Sau đó không đóng lãi nữa. Bên bà Trần Thị H nhiều lần gặp vợ cH ông Bùi Bá N, Bùi Thị Thùy T để đòi lại số tiền vốn vay là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), tuy nhiên bà T và ông N hẹn hoài, không trả.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người được nguyên đơn Trần Thị H ủy quyền, bà Võ Thị Thu Hiền vẫn giữ nguyên quan điểm tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 4 năm 2023, cụ thể bà Trần Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện BĐ xét xử buộc ông Bùi Bá N và bà Bùi Thị Thùy T phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà H số tiền vốn vay là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

(Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H là giấy vay tiền, BL số 04).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/12/2023, những lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, bà Bùi Thị Thùy T trình bày:

Bà Bùi Thị Thùy T thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của bà Trần Thị H. Bà T thừa nhận có vay của bà H số tiền vốn vay là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), đồng thời bà T có đóng lãi 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng). Mục đích vay tiền là nuôi tôm phát triển kinh tế gia đình. Việc bà T vay tiền, ông Bùi Bá N (CH bà T) không biết, do đó, bà T đồng ý trả nợ một mình, sự việc không liên quan đến ông N. Tuy nhiên hiện tại, hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn nên bà T yêu cầu bên bà H cho trả dần, cụ thể mỗi tháng trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện quyền

và nghĩa vụ theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn Bùi Bá N, Bùi Thị Thùy T không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 280, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị H.

Buộc ông Bùi Bá N và bà Bùi Thị Thùy T phải liên đới hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền vốn vay còn thiếu là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Ghi nhận việc bà Trần Thị H tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Bùi Bá Nhẫn, Bùi Thị Thùy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng ông N, bà T vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông N, bà T là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết.

Trong năm 2022, nguyên đơn Trần Thị H có cho bà Bùi Thị Thùy T vay số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), tuy nhiên bà T không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả theo thỏa thuận, bà H kiện đòi lại số tiền cho vay 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Do đó, vụ án có quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Bùi Thị Thùy T, Bùi Bá N đang sinh sống tại ấp Giồng Bông, xã TL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

[3] Về nội dung vụ án:

Vào tháng 4/2022(Âm lịch), bà Trần Thị H có cho bà Bùi Thị Thùy T vay số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T đã thực hiện xong quyền nhận tài sản vay nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay là vi phạm quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Trong quá trình tố

tụng, bị đơn Bùi Thị Thùy T thừa nhận có vay của bà Trần Thị H 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), tuy nhiên chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Xét thời hạn của hợp đồng vay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Khi bà Trần Thị H cho bà Bùi Thị Thùy T vay, hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là 03 tháng, tuy nhiên đến hạn, bên bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà tiếp tục đóng lãi cho bên bà Trần Thị H, do đó hợp đồng vay giữa bà Trần Thị H với bà Bùi Thị Thùy T đã được thỏa thuận từ hợp đồng vay có kỳ hạn sang hợp đồng vay không kỳ hạn. Sau đó, bên bị đơn Bùi Thị Thùy T không đóng lãi, cũng không trả vốn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự.

[5] Xét yêu cầu liên đới trả nợ của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Bùi Thị Thùy T khai có đăng ký kết hôn với ông Bùi Bá N vào năm 2017, do đó mặc dù chỉ có bà T vay tiền của bà Trần Thị H, ông N không biết. Tuy nhiên mục đích của bà T vay tiền để nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình, do đó ông Bùi Bá N phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ với bà Bùi Thị Thùy T là phù hợp với quy định tại Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Bà Trần Thị H tự nguyện không yêu cầu tính lãi của số tiền vốn vay 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) nên không xem xét, giải quyết.

[7] Xét yêu cầu trả nợ dần của bị đơn Bùi Thị Thùy T.

Bà Bùi Thị Thùy T cho rằng do hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn và yêu cầu trả mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi hết nợ, Hội đồng xét xử xét thấy đây là cách thực hiện việc trả nợ nên không xem xét, các bên được quyền thỏa thuận trong giai đoạn thi hành án.

[8] Đối với quan điểm phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H được chấp nhận toàn bộ, do đó bà Bùi Thị Thùy T và ông Bùi Bá N phải có nghĩa vụ liên đới chịu án

phí sơ thẩm với số tiền là:

150.000.000 đồng X 5% = 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Các điều 26, 35, 39, 92, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với bà Bùi Thị Thùy T, ông Bùi Bá N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Bùi Bá Nhẫn và bà Bùi Thị Thùy T phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền vốn vay còn thiếu là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Ghi nhận việc bà Trần Thị H tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền trên.

Kể từ ngày bản án (quyết định) có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Bùi Bá N và bà Bùi Thị Thùy T phải có nghĩa vụ liên đới chịu 7.500.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự bà Trần Thị H có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn bà Bùi Thị Thùy T, ông Bùi Bá N vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã TL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Đăng Phi